

Số : 31 /THP-CBTT.

Đà Nẵng, ngày 14 tháng 03 năm 2023

## CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi : - Ủy ban chứng khoán nhà nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) năm 2022 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau :

- Tên tổ chức : Công ty cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước
  - Mã chứng khoán : THP
  - Địa chỉ : KCN Dịch vụ Thủy sản Thọ Quang, P. Thọ Quang, Q. Sơn Trà, TP. Đà Nẵng
  - Điện thoại liên hệ : 0236.3920920 Fax : 0236.3923308.
  - Email : info@thuanphuoc.vn. Website : [www.thuanphuoc.vn](http://www.thuanphuoc.vn)

### 2. Nội dung thông tin công bố :

- BCTC năm 2022
  - BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);
  - BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);
  - BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán năm 2022):

- Có  Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

- Có  Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2022):



Có  Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có  Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

Có  Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có  Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Có  Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có  Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày :...../03/2023 tại đường dẫn : [www.thuanphuoc.vn\(quanhecodong/baocaotaichinh\)](http://www.thuanphuoc.vn(quanhecodong/baocaotaichinh))

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

Đại diện tổ chức

Người đại diện theo pháp luật  
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



NGUYỄN THỊ PHI ANH

Tài liệu đính kèm:

- BCTC năm 2022 đã kiểm toán.
- Văn bản giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế thu nhập DN 2022 thay đổi từ 10% trở lên so với cùng kỳ.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ  
THƯƠNG MẠI THUẬN PHƯỚC**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ THƯƠNG MẠI THUẬN PHƯỚC**

Địa chỉ: KCN dịch vụ thủy sản Thọ Quang, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng, Việt Nam

---

**MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
Bản thuyết minh báo cáo tài chính	9 – 37

## CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ THƯƠNG MẠI THUẬN PHƯỚC

Địa chỉ: KCN dịch vụ thủy sản Thọ Quang, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng, Việt Nam

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc trong năm và tại ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

#### Hội đồng quản trị

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>	
Ông Trần Văn Lĩnh	Chủ tịch	
Bà Nguyễn Thị Phi Anh	Thành viên	
Ông Trương Nguyễn	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 19/03/2022
Bà Dương Thị Tuyết Hằng	Thành viên	
Bà Lê Thị Minh Thảo	Thành viên	
Bà Lê Thanh Thảo	Thành viên	
Ông Nguyễn Đình Tuấn	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 19/03/2022

#### Ban kiểm soát

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>	
Bà Võ Thị Hà	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 19/03/2022
Ông Nguyễn Văn Trung	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 19/03/2022
Bà Đặng Thị Hải	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 19/03/2022
Ông Mai Đăng Hải	Thành viên	
Bà Huỳnh Thị Nguyệt	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 19/03/2022

#### Ban Tổng Giám đốc

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Nguyễn Thị Phi Anh	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đình Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Bà Dương Thị Tuyết Hằng	Phó Tổng Giám đốc
Bà Lê Thị Minh Thảo	Phó Tổng Giám đốc
Bà Lê Thanh Thảo	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Đình Nguyên	Phó Tổng Giám đốc

#### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật trong năm và tại ngày lập báo cáo này của Công ty là bà Nguyễn Thị Phi Anh – Tổng Giám đốc.

#### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

## CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ THƯƠNG MẠI THUẬN PHƯỚC

Địa chỉ: KCN dịch vụ thủy sản Thọ Quang, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng, Việt Nam

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA VIỆT NAM (Trụ sở chính: Số 142 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam; Điện thoại: (84) 0236.363.3333; Fax: (84) 0236.363.3338; Website: [www.ecovis.com/vietnam/audit/](http://www.ecovis.com/vietnam/audit/)).

### CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty xác nhận rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Phi Anh  
Tổng Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 13 tháng 03 năm 2023

Số: 58/2023/BCKT-E.AFA

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Các cổ đông**  
**Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ THƯƠNG MẠI THUẬN PHƯỚC**

### **Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 13 tháng 03 năm 2023 từ trang 5 đến trang 37, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

### *Ý kiến của Kiểm toán viên*

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



**Phạm Quang Trung**  
**Tổng Giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 1334-2023-240-1

**Kim Văn Việt**  
**Kiểm toán viên**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 1486-2023-240-1

**Công ty TNHH Kiểm toán – Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA VIỆT NAM**  
Đà Nẵng, ngày 13 tháng 03 năm 2023

*Như đã trình bày tại Mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính, báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.*



**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ THƯƠNG MẠI THUẬN PHƯỚC**

Địa chỉ: KCN dịch vụ thủy sản Thọ Quang, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số B 01 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>TM</b>	<b>Tại ngày 31/12/2022</b>	<b>Tại ngày 01/01/2022</b>
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>811.062.547.431</b>	<b>857.676.314.545</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>13.394.058.906</b>	<b>11.762.748.194</b>
1. Tiền	111	4.1	13.394.058.906	4.762.748.194
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	7.000.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>4.2</b>	<b>9.201.959.430</b>	<b>5.830.383.028</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		4.715.667.866	887.533.028
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(513.708.436)	(57.150.000)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		5.000.000.000	5.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>279.445.534.787</b>	<b>358.082.885.659</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	260.074.573.059	289.962.801.806
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	11.758.834.060	61.628.664.714
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.5	7.676.172.268	6.555.463.739
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.6	(64.044.600)	(64.044.600)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>4.7</b>	<b>501.529.072.080</b>	<b>470.338.691.772</b>
1. Hàng tồn kho	141		501.608.824.705	470.880.936.399
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(79.752.625)	(542.244.627)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>7.491.922.228</b>	<b>11.661.605.892</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.11	677.138.668	471.563.024
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		6.814.783.560	11.190.042.868
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>519.301.648.619</b>	<b>519.290.386.524</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>5.946.140.000</b>	<b>5.750.560.000</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Phải thu dài hạn khác	216	4.5	5.946.140.000	5.750.560.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>463.985.066.562</b>	<b>412.282.808.501</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.8	426.140.882.792	373.847.376.986
Nguyên giá	222		719.188.535.070	620.524.131.965
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(293.047.652.278)	(246.676.754.979)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.9	37.844.183.770	38.435.431.515
Nguyên giá	228		41.680.871.696	41.311.123.958
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.836.687.926)	(2.875.692.443)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>39.650.000</b>	<b>48.503.897.989</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.10	39.650.000	48.503.897.989
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>-</b>	<b>200.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	4.2	-	200.000.000
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>49.330.792.057</b>	<b>52.553.120.034</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.11	49.330.792.057	52.553.120.034
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1.330.364.196.050</b>	<b>1.376.966.701.069</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ THƯƠNG MẠI THUẬN PHƯỚC**

Địa chỉ: KCN dịch vụ thủy sản Thọ Quang, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng, Việt Nam

**Mẫu số B 01 - DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

Tại ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2022	Tại ngày 01/01/2022
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>980.062.049.927</b>	<b>1.037.966.605.355</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>798.756.499.079</b>	<b>850.142.430.507</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.12	62.572.248.250	33.741.431.219
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.13	1.999.011.950	10.877.535.914
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.14	5.765.715.708	1.523.730.187
4. Phải trả người lao động	314		37.718.519.637	36.532.383.340
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.15	3.993.223.045	15.496.032.482
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.16	2.034.043.618	2.515.843.513
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.17	664.530.555.728	721.910.292.709
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		20.143.181.143	27.545.181.143
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>181.305.550.848</b>	<b>187.824.174.848</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	4.17	181.305.550.848	187.824.174.848
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>350.302.146.123</b>	<b>339.000.095.714</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>4.18</b>	<b>350.302.146.123</b>	<b>339.000.095.714</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		216.111.850.000	216.111.850.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		216.111.850.000	216.111.850.000
Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Cổ phiếu quỹ	415		(4.234.000)	(4.234.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		113.781.486.610	106.903.276.956
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		20.413.043.513	15.989.202.758
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		29.757.604	26.713.925
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		20.383.285.909	15.962.488.833
<b>II. Nguồn kinh phí, quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1.330.364.196.050</b>	<b>1.376.966.701.069</b>



**Nguyễn Thị Phi Anh**  
**Tổng Giám đốc**

Đà Nẵng, ngày 13 tháng 03 năm 2023

**Hà Thị Thu Thủy**  
**Kế toán trưởng**

**Lâm Thị Ngọc Quyên**  
**Người lập**

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ THƯƠNG MẠI THUẬN PHƯỚC**

Địa chỉ: KCN dịch vụ thủy sản Thọ Quang, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng, Việt Nam

**Mẫu số B 02 - DN**(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2022	Năm 2021
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	3.146.130.952.117	2.685.577.102.062
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		38.003.899.647	14.816.550.905
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		3.108.127.052.470	2.670.760.551.157
4. Giá vốn hàng bán	11	5.2	2.818.178.661.171	2.421.134.546.495
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		289.948.391.299	249.626.004.662
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	59.757.549.258	30.877.893.894
7. Chi phí tài chính	22	5.4	95.296.312.803	46.824.890.141
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		<i>39.813.123.507</i>	<i>34.746.762.541</i>
8. Chi phí bán hàng	25	5.5	193.924.460.886	171.331.756.817
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.6	37.929.992.184	43.517.213.737
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		22.555.174.684	18.830.037.861
11. Thu nhập khác	31	5.7	3.636.029.671	10.146.373.995
12. Chi phí khác	32	5.8	231.022.388	8.540.209.119
13. Lợi nhuận khác	40		3.405.007.283	1.606.164.876
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		25.960.181.967	20.436.202.737
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.10	5.576.896.058	4.473.713.904
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		20.383.285.909	15.962.488.833
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.18.6	766	618
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.18.7	766	618



Nguyễn Thị Phi Anh  
Tổng Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 13 tháng 03 năm 2023

Hà Thị Thu Thủy  
Kế toán trưởng

Lâm Thị Ngọc Quyên  
Người lập

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ THƯƠNG MẠI THUẬN PHƯỚC**

Địa chỉ: KCN dịch vụ thủy sản Thọ Quang, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số B 03 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

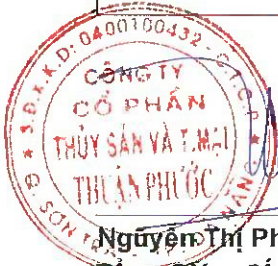
**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2022	Năm 2021
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		25.960.181.967	20.436.202.737
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		46.433.805.768	33.895.075.994
Các khoản dự phòng	03		(5.933.566)	(2.613.159.264)
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		3.104.283.658	(648.930.035)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(428.306.765)	(635.097.945)
Chi phí lãi vay	06		39.813.123.507	34.746.762.541
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		114.877.154.569	85.180.854.028
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		79.046.214.542	81.908.496.307
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(30.727.888.306)	(243.089.672.352)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		11.194.119.575	(33.790.900.836)
Tăng giảm chi phí trả trước	12		3.016.752.333	(4.104.451.899)
Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13		(3.828.134.838)	(752.771.668)
Tiền lãi vay đã trả	14		(39.058.999.726)	(34.664.355.426)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.473.713.904)	(6.507.123.863)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(10.000.000.000)	(2.300.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		123.045.504.245	(158.119.925.709)
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(49.671.815.840)	(63.997.692.623)
2. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		200.000.000	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		428.306.765	635.097.945
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(49.043.509.075)	(63.362.594.678)
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33	6.1	2.952.218.047.069	2.745.151.596.776
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	6.2	(3.018.140.169.970)	(2.520.586.868.804)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho sở hữu	36		(6.532.301.180)	(10.499.250.060)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(72.454.424.081)	214.065.477.912
<b>LƯU CHUYỂN THUẦN TRONG NĂM</b>	50		1.547.571.089	(7.417.042.475)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		11.762.748.194	19.180.967.978
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi	61		83.739.623	(1.177.309)
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM</b>	70		13.394.058.906	11.762.748.194



Nguyễn Thị Phi Anh  
Tổng Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 13 tháng 03 năm 2023

Hà Thị Thu Thủy  
Kế toán trưởng

Lâm Thị Ngọc Quyên  
Người lập

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

**1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước (Công ty Thủy sản và Thương mại Thuận Phước). Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3203001489 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp lần đầu ngày 29/06/2007, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 8 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 30/11/2022 với mã số doanh nghiệp là 0400100432.

Ngày 18 tháng 11 năm 2019, Công ty chính thức được giao dịch chứng khoán tại thị trường Upcom theo Thông báo số 1330/TB-SGDHN ngày 11 tháng 11 năm 2019 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, mã chứng khoán là THP.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 216.111.850.000 VND.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Khu công nghiệp dịch vụ thủy sản Thọ Quang, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 2.644 người (tại 31 tháng 12 năm 2021 là 2.712 người).

**1.2. Lĩnh vực kinh doanh**

Sản xuất và Thương mại.

**1.3. Ngành nghề kinh doanh**

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản. Chi tiết: sản xuất và xuất khẩu các mặt hàng thủy sản đông lạnh;
- Nuôi trồng thủy sản nội địa (không hoạt động tại trụ sở);

**1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

## CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ THƯƠNG MẠI THUẬN PHƯỚC

Địa chỉ: KCN dịch vụ thủy sản Thọ Quang, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng, Việt Nam

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

#### 1.5. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty có các đơn vị trực thuộc như sau:

Tên	Địa chỉ
Xí nghiệp đông lạnh 32	Khu Công nghiệp Dịch vụ Thủy sản Thọ Quang, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng
Xí nghiệp thủy sản và thực phẩm	Khu Công nghiệp Dịch vụ Thủy sản Thọ Quang, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng
Nhà máy đông lạnh Mỹ Sơn	Khu Công nghiệp Dịch vụ Thủy sản Thọ Quang, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng
Chi nhánh Công ty Cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước - Nhà máy chế biến thủy sản đông lạnh xuất khẩu An An	Áp Tây Hòa, xã Song Thuận, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, Việt Nam

#### 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

##### 2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

##### 2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.

##### 2.3. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

##### 2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

#### 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

##### 3.1 Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế tại ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

##### 3.2 Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

tháng 12 năm 2022. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giá định đặt ra.

**3.3 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

**3.4 Đầu tư tài chính**

***Chứng khoán kinh doanh***

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán và các công cụ tài chính khác nắm giữ vì mục đích kinh doanh (nắm giữ với mục đích chờ tăng giá để bán ra kiếm lời) tại thời điểm báo cáo.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh bao gồm: Giá mua và các chi phí mua như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

***Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ, và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất đó được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

***Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác***

***Đầu tư vào công ty con***

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty con khi Công ty có quyền kiểm soát các chính sách và hoạt động, thường thể hiện qua việc nắm giữ hơn 50% quyền biểu quyết.

Các khoản đầu tư vào công ty con được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.

***Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính***

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**3.5 Nợ phải thu**

***Nguyên tắc ghi nhận***

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

***Nguyên tắc dự phòng nợ phải thu khó đòi***

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được đúng hạn với mức trích lập phù hợp với các quy định hiện hành. Việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định là khó đòi phải trích lập dự phòng được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**3.6 Hàng tồn kho**

***Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho***

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

***Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho***

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

***Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho***

Tại ngày lập báo cáo tài chính, dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và hàng tồn kho có giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

**3.7 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

***Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu***

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

**Phương pháp khấu hao**

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

	<b><u>Năm 2022</u></b>
▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 20 năm
▪ Máy móc thiết bị	3 – 12 năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	6 – 13 năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	6 – 08 năm

**3.8 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

**Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu**

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

**Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình**

**Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế là giá trị các quyền sử dụng diện tích đất tại Ấp Tây Hòa, xã Song Thuận, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất. Quyền sử dụng đất vô thời hạn không trích khấu hao.

**Phần mềm máy vi tính**

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

**3.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan được hạch toán phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc trích khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**3.10 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến giá vốn công cụ, dụng cụ, chi phí sửa chữa... Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Tiền thuê đất, thuê cơ sở hạ tầng, thuê tài sản cố định trả trước được phân bổ theo thời hạn thuê;

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 3 năm;
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

**3.11 Nợ phải trả**

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Phải trả nội bộ là các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

**3.12 Chi phí đi vay**

***Nguyên tắc vốn hóa chi phí đi vay***

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh.

Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**3.13 Chi phí phải trả**

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

**3.14 Nguồn vốn chủ sở hữu**

***Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

***Cổ tức***

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày chốt quyền trả cổ tức.

***Quỹ dự trữ***

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo qui định trong Điều lệ Công ty.

***Phân phối lợi nhuận***

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và theo các quy định của pháp luật Việt Nam.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**3.15 Doanh thu, thu nhập khác**

***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

***Lãi tiền gửi***

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**3.16 Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau và sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh khoản giảm trừ.

**3.17 Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

**3.18 Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu là chi phí đi vay vốn và lỗ chênh lệch tỷ giá.

**3.19 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển....

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác.

**3.20 Thuế**

***Thuế thu nhập doanh nghiệp***

*Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành*

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Áp dụng mức thuế suất là 15% đối với hoạt động chế biến trong lĩnh vực nông nghiệp và thủy sản ở địa bàn không thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn hoặc địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn.

### ***Thuế giá trị gia tăng:***

- Áp dụng mức thuế suất 0% đối với hoạt động xuất khẩu thủy sản;
- Các hoạt động khác áp dụng theo quy định hiện hành.

### ***Các loại thuế khác***

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định đầu tiên của cơ quan thuế.

### **3.21 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

### **3.22 Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

### **3.23 Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng các lĩnh vực kinh doanh cũng như các môi trường kinh tế cụ thể theo khu vực địa lý không có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi ích kinh tế, nhà máy chế biến thủy sản xuất khẩu đông lạnh An An tại Tiền Giang chỉ thực hiện sản xuất và thành phẩm được chuyển về kho tại Đà Nẵng để xuất khẩu. Vì vậy, Công ty hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh chính là chế biến thủy sản và xuất khẩu tại khu vực địa lý chủ yếu là các thị trường bên ngoài lãnh thổ Việt Nam.

### **3.24 Các bên liên quan**

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ THƯƠNG MẠI THUẬN PHƯỚC**

Địa chỉ: KCN dịch vụ thủy sản Thọ Quang, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 31/12/2022		Tại ngày 01/01/2022	
	Ngoại tệ	VND	Ngoại tệ	VND
Tiền mặt tại quỹ (VND)		2.360.471		602.943
Tiền gửi ngân hàng		13.391.698.435		4.762.145.251
+ VND		3.401.997.934		2.104.564.616
+ USD	425.824,5 #	9.968.551.545	116.348,80 #	2.634.115.654
+ EUR	147,03 #	3.634.355	147,03 #	3.733.284
+ JPY	100.284 #	17.514.601	101.736 #	19.731.697
Tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng		-		7.000.000.000
<b>Cộng</b>		<b>13.394.058.906</b>		<b>11.762.748.194</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ THƯƠNG MẠI THUẬN PHƯỚC**

Địa chỉ: KCN dịch vụ thủy sản Thọ Quang, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****4.2. Các khoản đầu tư tài chính**

Chứng khoán kinh doanh được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2022		Tại ngày 01/01/2022	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
<b>Đầu tư cổ phiếu:</b>				
Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB)	1.899.880.426	1.785.660.300	(114.220.126)	-
Công ty CP Xi măng Bỉm Sơn (BCC)	260.870	328.000	-	1.725.000
Công ty ĐTTM Thủy sản (ICF)	41.250.000	11.850.000	(29.400.000)	384.000
Ngân hàng TMCP Sacombank (STB)	30.260	45.000	-	26.070.000
Công ty CP Traphaco (TRA)	252.000	801.000	-	63.000
Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam (VNMI)	1.956.537.660	1.803.570.000	(152.967.660)	820.800
Ngân hàng TMCP Quân Đội (MBB)	390.704.850	276.336.000	(114.368.850)	803.520.000
Công ty cổ phần tập đoàn Hòa Phát (HPG)	426.751.800	324.000.000	(102.751.800)	-
<b>Cộng</b>	<b>4.715.667.866</b>	<b>4.202.590.300</b>	<b>(513.708.436)</b>	<b>832.582.800</b>

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được chi tiết như sau

	Tại ngày 31/12/2022		Tại ngày 01/01/2022	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
<b>Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:</b>				
Tiền gửi có kỳ hạn	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>5.000.000.000</b>	<b>5.000.000.000</b>	<b>5.000.000.000</b>	<b>5.000.000.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ THƯƠNG MẠI THUẬN PHƯỚC**

Địa chỉ: KCN dịch vụ thủy sản Thọ Quang, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, TP. Đà Nẵng, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2022		Tại ngày 01/01/2022	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
	VND		VND	
Đầu tư vào Công ty con:				
Công ty TNHH MTV Thủy sản An	-	-	200.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>200.000.000</b>	<b>-</b>

Công ty TNHH MTV Thủy sản An đã ngừng hoạt động từ ngày 01/01/2022 theo Quyết định giải thể số 1960/QĐ-CT ngày 30/12/2021. Ngày 25/07/2022, Công ty đã nhận được thông báo về việc doanh nghiệp giải thể/chấm dứt tồn tại của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ THƯƠNG MẠI THUẬN PHƯỚC**

Địa chỉ: KCN dịch vụ thủy sản Thọ Quang, Phường Thọ Quang, Quận sơn Trà, TP Đà Nẵng, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Beaver Street Fisheries, Inc	116.812.115.773	46.817.840.112
Eastern Fish Co .llc	14.280.203.004	25.607.397.179
LP Foods PTE ltd	-	8.892.992.000
Các khách hàng khác	128.982.254.282	208.644.572.515
<b>Cộng</b>	<b><u>260.074.573.059</u></b>	<b><u>289.962.801.806</u></b>

**4.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Công ty Cổ phần Xây lắp Thương mại Chánh Phúc	-	37.126.624.820
Trung tâm Công nghệ Môi trường	-	4.561.848.455
Sreeragam Exports Private Limited	-	10.473.523.200
WORLDWIDE INVESTMENTS AND REPRESENTATIONS WINREP S.A	4.840.832.620	-
Các nhà cung cấp khác	6.918.001.440	9.466.668.239
<b>Cộng</b>	<b><u>11.758.834.060</u></b>	<b><u>61.628.664.714</u></b>

**4.5. Phải thu khác**

	Tại ngày 31/12/2022 VND		Tại ngày 01/01/2022 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn:				
Tạm ứng	6.574.424.256	-	5.719.145.361	-
BHXH, BHYT, BHTN	1.101.748.012	-	836.318.378	-
<b>Cộng</b>	<b><u>7.676.172.268</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>6.555.463.739</u></b>	<b><u>-</u></b>
Dài hạn:				
Ký cược, ký quỹ	5.946.140.000	-	5.750.560.000	-
<b>Cộng</b>	<b><u>5.946.140.000</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>5.750.560.000</u></b>	<b><u>-</u></b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ THƯƠNG MẠI THUẬN PHƯỚC**

Địa chỉ: KCN dịch vụ thủy sản Thọ Quang, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****4.6. Nợ xấu**

	Tại ngày 31/12/2022		Tại ngày 01/01/2022	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	64.044.600	-	64.044.600	-
<b>Cộng</b>	<b>64.044.600</b>	<b>-</b>	<b>64.044.600</b>	<b>-</b>

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2022			Tại ngày 01/01/2022		
	VND			VND		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Công ty TNHH Quang Tiến	64.044.600	-	Trên 3 năm	64.044.600	-	Trên 3 năm
<b>Cộng</b>	<b>64.044.600</b>	<b>-</b>		<b>64.044.600</b>	<b>-</b>	

**4.7. Hàng tồn kho**

	Tại ngày 31/12/2022		Tại ngày 01/01/2022	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	244.380.489.177	79.752.625	284.853.070.828	542.244.627
Công cụ, dụng cụ	12.374.380.776	-	19.957.419.611	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	3.336.255.923	-	5.589.970.763	-
Thành phẩm	241.517.698.829	-	160.480.475.197	-
<b>Cộng</b>	<b>501.608.824.705</b>	<b>79.752.625</b>	<b>470.880.936.399</b>	<b>542.244.627</b>

Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất, khả năng tiêu thụ thấp tại thời điểm 31/12/2022 là 79.752.625 VND.

Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản phải trả tại thời điểm 31/12/2022 là 501.608.824.705 VND.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ THƯƠNG MẠI THUẬN PHƯỚC**

Địa chỉ: KCN dịch vụ thủy sản Thọ Quang, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****4.8. Tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	T/bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá:					
Tại ngày 01/01/2022	320.040.412.368	259.483.006.394	37.590.824.383	3.409.888.820	620.524.131.965
Mua trong năm	-	12.197.194.450	-	492.717.950	12.689.912.400
Đầu tư XDCB hoàn thành	85.974.490.705	-	-	-	85.974.490.705
<b>Tại ngày 31/12/2022</b>	<b>406.014.903.073</b>	<b>271.680.200.844</b>	<b>37.590.824.383</b>	<b>3.902.606.770</b>	<b>719.188.535.070</b>
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Tại ngày 01/01/2022	91.528.458.764	123.043.785.113	28.792.578.766	3.311.932.336	246.676.754.979
Khấu hao trong năm	25.997.756.820	18.921.711.463	1.313.651.050	137.777.966	46.370.897.299
<b>Tại ngày 31/12/2022</b>	<b>117.526.215.584</b>	<b>141.965.496.576</b>	<b>30.106.229.816</b>	<b>3.449.710.302</b>	<b>293.047.652.278</b>
Giá trị còn lại:					
Tại ngày 01/01/2022	228.511.953.604	136.439.221.281	8.798.245.617	97.956.484	373.847.376.986
<b>Tại ngày 31/12/2022</b>	<b>288.488.687.489</b>	<b>129.714.704.268</b>	<b>7.484.594.567</b>	<b>452.896.468</b>	<b>426.140.882.792</b>

Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay tại ngày 31/12/2022 là 366.749.265.714 VND.  
Nguyên giá của TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2022 là 155.086.348.513 VND.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ THƯƠNG MẠI THUẬN PHƯỚC**

Địa chỉ: KCN dịch vụ thủy sản Thọ Quang, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****4.9. Tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất VND	Chương trình phần mềm VND	Cộng VND
Nguyên giá:			
Tại ngày 01/01/2022	41.004.099.758	307.024.200	41.311.123.958
Mua trong năm	-	369.747.738	369.747.738
<b>Tại ngày 31/12/2022</b>	<b>41.004.099.758</b>	<b>676.771.938</b>	<b>41.680.871.696</b>
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Tại ngày 01/01/2022	2.568.668.243	307.024.200	2.875.692.443
Khấu hao trong năm	898.087.014	62.908.469	960.995.483
<b>Tại ngày 31/12/2022</b>	<b>3.466.755.257</b>	<b>369.932.669</b>	<b>3.836.687.926</b>
Giá trị còn lại:			
Tại ngày 01/01/2022	38.435.431.515	-	38.435.431.515
<b>Tại ngày 31/12/2022</b>	<b>37.537.344.501</b>	<b>306.839.269</b>	<b>37.844.183.770</b>

Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình đã dùng thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay tại ngày 31/12/2022 là 37.537.344.501 VND.

Nguyên giá của TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2022 là 307.024.200 VND.

Tài sản cố định vô hình là giá trị quyền sử dụng đất tại 31/12/2022 gồm:

- Quyền sử dụng đất tại thửa đất 3378 tại Ấp Tân Hòa, xã Song Thuận, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang với tổng diện tích 21.355 m<sup>2</sup>, có thời hạn sử dụng đến ngày 13/02/2067. Mục đích sử dụng để xây dựng Nhà máy chế biến thủy sản đông lạnh xuất khẩu An An tại Tiền Giang;
- Quyền sử dụng đất tại thửa đất 3388 tại Ấp Tân Hòa, xã Song Thuận, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang với tổng diện tích 1.592,6 m<sup>2</sup>, trong đó 214,7 m<sup>2</sup> có thời hạn sử dụng đến tháng 10/2043, 1.377,9 m<sup>2</sup> có thời hạn sử dụng đến ngày 11/01/2068. Mục đích sử dụng để xây dựng Nhà máy chế biến thủy sản đông lạnh xuất khẩu An An tại Tiền Giang.

**4.10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Nhà máy tại Tiền Giang	-	24.545.454.545
Khu nuôi tôm Điền Hòa, Thừa Thiên Huế	-	23.958.443.444
Khu nuôi tôm Bến Tre	39.650.000	-
<b>Cộng</b>	<b>39.650.000</b>	<b>48.503.897.989</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ THƯƠNG MẠI THUẬN PHƯỚC**

Địa chỉ: KCN dịch vụ thủy sản Thọ Quang, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****4.11. Chi phí trả trước**

	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	677.138.668	471.563.024
<b>Cộng</b>	<b>677.138.668</b>	<b>471.563.024</b>
Dài hạn		
Tiền thuê đất Thuận Phước	27.061.861.638	27.992.355.450
Tiền thuê đất vùng nuôi Ba Tri Bến Tre	4.792.134.894	9.630.503.038
Công cụ dụng cụ xuất dùng	4.448.487.369	9.125.083.124
Chi phí sửa chữa tài sản	2.796.319.299	1.339.935.610
Tiền thuê đất Thửa đất số 3488(Dt: 1377.90m2)	531.211.336	542.553.928
Chi phí cải tạo, nâng cấp Điền Môn	7.137.399.413	-
Chi phí trả trước khác	2.563.378.108	3.922.688.884
<b>Cộng</b>	<b>49.330.792.057</b>	<b>52.553.120.034</b>

**4.12. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2022 VND		Tại ngày 01/01/2022 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Royale Marine Impex PVT Ltd	6.294.335.040	6.294.335.040	9.980.651.520	9.980.651.520
Công ty TNHH TM Nông lâm thủy sản Thuận Thành	1.422.840.694	1.422.840.694	5.694.760.740	5.694.760.740
Công ty TNHH Ocean Network Express	-	-	4.758.993.674	4.758.993.674
HIGHLAND DE LA MER PRIVATE LIMITED	36.196.270.740	36.196.270.740	3.368.964.960	3.368.964.960
Các đối tượng khác	18.658.801.776	18.658.801.776	9.938.060.325	9.938.060.325
<b>Cộng</b>	<b>62.572.248.250</b>	<b>62.572.248.250</b>	<b>33.741.431.219</b>	<b>33.741.431.219</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ THƯƠNG MẠI THUẬN PHƯỚC**

Địa chỉ: KCN dịch vụ thủy sản Thọ Quang, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****4.13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Cominport SP.ZO.O	-	2.696.959.914
Công ty TNHH TM DV Hải sản Hồng và Minh	-	58.000.000
Lotus Seafood INC	-	1.070.787.840
Cominport Distribucion,S.L.	-	1.364.624.060
Bidfoods	656.320.000	1.548.675.720
AMERICAN EEL DEPOT CORP.	596.364.750	-
LL INTERNATIONAL INC	502.566.400	-
Các khách hàng khác	243.760.800	4.138.488.380
<b>Cộng</b>	<b>1.999.011.950</b>	<b>10.877.535.914</b>

**4.14. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

	Tại ngày 31/12/2022 VND	Trong năm VND		Tại ngày 01/01/2022 VND
	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp/Khấu trừ	Phải nộp
Thuế GTGT hàng nội địa	-	473.209.454	481.240.374	8.030.920
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	2.394.732.417	2.394.732.417	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	172.319.121	172.319.121	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.576.896.058	5.576.896.058	1.473.713.904	1.473.713.904
Thuế thu nhập cá nhân	188.819.650	1.316.658.919	1.169.824.632	41.985.363
Thuế tài nguyên	-	236.170.052	236.170.052	-
Tiền thuê đất	-	193.191.438	193.191.438	-
Các loại thuế khác	-	25.589.113	25.589.113	-
<b>Cộng</b>	<b>5.765.715.708</b>	<b>10.388.766.572</b>	<b>6.146.781.051</b>	<b>1.523.730.187</b>

**4.15. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Chi phí lãi vay	934.139.524	180.015.743
Chi phí tư vấn kỹ thuật	922.814.886	2.542.214.469
Chi phí gia công thành phẩm	893.129.951	232.946.989
Chi phí vận chuyển	898.669.684	4.842.528.031
Chi phí nguyên liệu	-	3.823.575.060
Các khoản chi phí khác	344.469.000	3.874.752.190
<b>Cộng</b>	<b>3.993.223.045</b>	<b>15.496.032.482</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ THƯƠNG MẠI THUẬN PHƯỚC**

Địa chỉ: KCN dịch vụ thủy sản Thọ Quang, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**4.16. Phải trả ngắn hạn khác**

	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Kinh phí công đoàn	1.305.077.488	1.737.811.703
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	728.966.130	778.031.810
<b>Cộng</b>	<b>2.034.043.618</b>	<b>2.515.843.513</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ THƯƠNG MẠI THỤẬN PHƯỚC**

Địa chỉ: KCN dịch vụ thủy sản Thọ Quang, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****4.17. Vay và nợ thuê tài chính**

	Tại ngày 31/12/2022		Trong năm		Tại ngày 01/01/2022					
	Ngoại tệ	VND	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Ngoại tệ	VND	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn (USD)										
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương	16.160.304,43 #	383.484.024.124	383.484.024.124	1.676.993.636.887	1.676.993.636.887	17.131.325,95 #	392.649.990.774	392.649.990.774	392.649.990.774	
- Ngân hàng TMCP Kỹ thương		-	-	44.666.043.750	44.666.043.750	4.315.436,84 #	98.909.812.373	98.909.812.373	98.909.812.373	
- Ngân hàng TMCP Công thương	4.011.168,00 #	95.185.016.640	95.185.016.640	803.751.657.134	803.751.657.134	5.920.792,85 #	135.704.572.122	135.704.572.122	135.704.572.122	
- Ngân hàng TMCP Quốc tế VN		-	-	92.311.568.911	92.311.568.911	1.886.532 #	43.239.313.440	43.239.313.440	43.239.313.440	
- Ngân hàng TMCP Hàng Hải VN		-	-	25.795.639.370	25.795.639.370	-	-	-	-	
Vay ngắn hạn (VND)										
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương		42.515.952.977	42.515.952.977	113.067.074.967	113.067.074.967	70.551.121,990	-	-	-	
- Ngân hàng TMCP Công thương		103.826.937.987	103.826.937.987	168.022.414.620	168.022.414.620	64.195.476,633	-	-	-	
- Ngân hàng CSXH		-	-	5.799.740.000	5.799.740.000	17.687.720,000	11.887.980.000	11.887.980.000	11.887.980.000	
Vay dài hạn đến hạn trả										
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương		3.254.624.000	3.254.624.000	3.254.624.000	3.254.624.000		3.254.624.000	3.254.624.000	3.254.624.000	
- Ngân hàng TMCP Công thương		36.264.000.000	36.264.000.000	36.264.000.000	36.264.000.000		36.264.000.000	36.264.000.000	36.264.000.000	
<b>Cộng</b>		<b>664.530.555.728</b>	<b>664.530.555.728</b>	<b>2.960.760.432.989</b>	<b>2.960.760.432.989</b>		<b>721.910.292.709</b>	<b>721.910.292.709</b>	<b>721.910.292.709</b>	
Vay dài hạn (VND)										
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương		3.254.624.296	3.254.624.296	-	3.254.624.000		6.509.248.296	6.509.248.296	6.509.248.296	
- Ngân hàng TMCP Công thương		145.050.926.552	145.050.926.552	-	36.264.000.000		181.314.926.552	181.314.926.552	181.314.926.552	
- Bà Nguyễn Thị Phi Anh		33.000.000.000	33.000.000.000	33.000.000.000	-		-	-	-	
<b>Cộng</b>		<b>181.305.550.848</b>	<b>181.305.550.848</b>	<b>33.000.000.000</b>	<b>39.518.624.000</b>		<b>187.824.174.848</b>	<b>187.824.174.848</b>	<b>187.824.174.848</b>	
Trong đó Vay bên liên quan - Xem thêm mục 7		33.000.000.000	33.000.000.000	33.000.000.000	-		-	-	-	

**Các khoản vay ngắn hạn được chi tiết như sau:**

Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam theo hợp đồng cho vay theo hạn mức số 45/2022/VCB-KHDN ngày 06/06/2022, với hạn mức 550 tỷ VND hoặc ngoại tệ tương đương với thời hạn tối đa không quá 5 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ cho hoạt động sản xuất của doanh nghiệp.

## CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ THƯƠNG MẠI THUẬN PHƯỚC

Địa chỉ: KCN dịch vụ thủy sản Thọ Quang, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng, Việt Nam

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam theo hợp đồng cấp tín dụng số DNG201770/HĐTĐ ngày 28/07/2017 và Phụ lục số DNG201770/HĐTĐ/PL05 về việc tái cấp hạn mức tín dụng cho năm 2021 - 2022 ngày 15/06/2021, với hạn mức 400 tỷ với thời hạn tối đa không quá 5 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ cho hoạt động sản xuất của doanh nghiệp.

Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng theo hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2022/300029792-HĐCVHM/NHCT480-THUANPHUOC ngày 26/07/2022, với hạn mức 600 tỷ VND hoặc ngoại tệ tương đương với thời hạn tối đa không quá 5 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ cho hoạt động sản xuất của doanh nghiệp.

Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam theo hợp đồng tín dụng số 8210028.22 ngày 12/05/2022, với hạn mức 100 tỷ VND hoặc ngoại tệ tương đương với thời hạn 12 tháng kể từ ngày giải ngân khoản tín dụng đến hết ngày liên kế trước ngày thanh toán hết khoản tín dụng, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ cho hoạt động sản xuất của doanh nghiệp.

Vay ngắn hạn Ngân hàng Chính sách xã hội quận Sơn Trà theo hợp đồng vay số 03.6199A/2021/HĐTĐ ngày 19/11/2021, lãi suất cho vay: 0%/năm, thời hạn vay: 11 tháng. Mục đích sử dụng tiền vay: trả lương phục hồi sản xuất kinh doanh cho lao động.

Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 13.08/2021/HĐTĐ ngày 18/05/2022, với hạn mức 200 tỷ VND hoặc ngoại tệ tương đương, thời hạn 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ. Mục đích vay: Thanh toán chi phí nguyên vật liệu và các chi phí liên quan (điện, nước, bao bì, chi phí vận chuyển, lương...) nhằm phục vụ hoạt động chế biến tôm xuất khẩu.

Các khoản vay dài hạn được chi tiết như sau:

Ngân hàng	Hợp đồng		Hạn mức	Mục đích vay	Thời hạn vay	Tài sản đảm bảo
	Số	Ngày				
TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng	115/2017/VCB-KHDN	05/10/2017	22.797.000.000 VND	Tài trợ bù đắp phần vốn tự có mà khách hàng đã thanh toán cho bên cho thuê (Công ty Phát triển và Khai thác Hạ tầng KCN Đà Nẵng) để thuê lại 53.478,4 m <sup>2</sup> đất tại lô B2-1 và B2-2 KCN Dịch vụ Thủy sản Đà Nẵng.	84 tháng	Nhà máy chế biến thủy sản, thực phẩm đông lạnh xuất khẩu theo giấy chứng nhận số CC999486 do Sở Tài nguyên và môi trường Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 21/07/2016 và quyền sử dụng đất tại lô B2-1, B2-2 KCN Dịch vụ thủy sản Đà Nẵng.
TMCP Công thương Việt Nam	01/2019-HĐCVDADT/NHCT480 và phụ lục 01/2019-HĐCVDADT-SBB/NHCT48	01/10/2019	239.000.000.000 VND	Thanh toán các chi phí đầu tư hợp lý, hợp lệ thực hiện Dự án Nhà máy chế biến thủy sản đông lạnh xuất khẩu An An	96 tháng	03 lô đất tại Ấp Tân Hòa, xã Song Thuận, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang và tài sản trên đất hình thành từ dự án.



**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ THƯƠNG MẠI THUẬN PHƯỚC**

Địa chỉ: KCN dịch vụ thủy sản Thọ Quang, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****4.18. Vốn chủ sở hữu****4.18.1. Bảng biến động vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu				
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	LNST chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2021	216.111.850.000	(4.234.000)	75.364.791.959	46.704.479.711	338.176.887.670
Lãi trong năm trước	-	-	-	15.962.488.833	15.962.488.833
Chia cổ tức	-	-	-	(10.805.392.500)	(10.805.392.500)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(2.000.000.000)	(2.000.000.000)
Trích quỹ Đầu tư, phát triển	-	-	31.538.484.997	(31.538.484.997)	-
Trích thưởng HĐQT, BKS	-	-	-	(2.333.888.289)	(2.333.888.289)
Số dư tại ngày 31/12/2021	216.111.850.000	(4.234.000)	106.903.276.956	15.989.202.758	339.000.095.714
Lãi trong năm nay	-	-	-	20.383.285.909	20.383.285.909
Chia cổ tức (*)	-	-	-	(6.483.235.500)	(6.483.235.500)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	-	(1.800.000.000)	(1.800.000.000)
Trích quỹ Đầu tư, phát triển (*)	-	-	6.878.209.654	(6.878.209.654)	-
Trích thưởng HĐQT, BKS (*)	-	-	-	(798.000.000)	(798.000.000)
<b>Tại ngày 31/12/2022</b>	<b>216.111.850.000</b>	<b>(4.234.000)</b>	<b>113.781.486.610</b>	<b>20.413.043.513</b>	<b>350.302.146.123</b>

(\*) Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2021 theo Nghị quyết ĐHCĐ số 04/2022/NQ-ĐHCĐ ngày 19/03/2022.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ THƯƠNG MẠI THUẬN PHƯỚC**

Địa chỉ: KCN dịch vụ thủy sản Thọ Quang, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****4.18.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Nguyễn Thị Phi Anh	102.057.360.000	102.057.360.000
Trần Văn Linh	15.518.860.000	14.638.860.000
Cổ đông khác	98.531.396.000	99.411.396.000
Cổ phiếu quỹ	4.234.000	4.234.000
<b>Cộng</b>	<b>216.111.850.000</b>	<b>216.111.850.000</b>

**4.18.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Vốn góp đầu năm	216.111.850.000	216.111.850.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
<b>Vốn góp cuối năm</b>	<b>216.111.850.000</b>	<b>216.111.850.000</b>

**4.18.4. Các quỹ của doanh nghiệp**

	Quỹ đầy tư phát triển VND
Tại ngày 01/01/2022	106.903.276.956
Trích trong năm	6.878.209.654
Giảm trong năm	-
<b>Tại ngày 31/12/2022</b>	<b>113.781.486.610</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ THƯƠNG MẠI THUẬN PHƯỚC**

Địa chỉ: KCN dịch vụ thủy sản Thọ Quang, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****4.18.5. Cổ phiếu**

	<u>Tại ngày 31/12/2022</u>	<u>Tại ngày 01/01/2022</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	21.611.185	21.611.185
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	21.611.185	21.611.185
- Cổ phiếu phổ thông	21.611.185	21.611.185
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	400	400
- Cổ phiếu phổ thông	400	400
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	21.610.785	21.610.785
- Cổ phiếu phổ thông	21.610.785	21.610.785
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần		

**4.18.6. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	<u>Năm 2022 VND</u>	<u>Năm 2021 VND</u>
Lãi sau thuế của cổ đông Công ty	20.383.285.909	15.962.488.833
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng HĐQT, BKS	3.823.904.437	2.598.000.000
Lãi sau thuế để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	16.559.381.472	13.364.488.833
Số cổ phần lưu hành bình quân trong năm	21.610.785	21.610.785
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>766</b>	<b>618</b>

**4.18.7. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	<u>Năm 2022 VND</u>	<u>Năm 2021 VND</u>
Lãi sau thuế của cổ đông Công ty	20.383.285.909	15.962.488.833
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng HĐQT, BKS	3.823.904.437	2.598.000.000
Lãi để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	16.559.381.472	13.364.488.833
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	21.610.785	21.610.785
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Số lượng cổ phiếu để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	21.610.785	21.610.785
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>766</b>	<b>618</b>

Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước đã trừ quỹ khen thưởng phúc lợi, thưởng HĐQT, BKS thực tế theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC.

Trong năm Công ty đã có kế hoạch phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2022 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số 04/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19/03/2022. Theo đó lợi nhuận

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ THƯƠNG MẠI THUẬN PHƯỚC**

Địa chỉ: KCN dịch vụ thủy sản Thọ Quang, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

phân bổ cho cổ phiếu phổ thông của công ty để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu năm 2022 là lợi nhuận sau thuế trừ đi quỹ khen thưởng phúc lợi dự kiến phân phối.

Công ty dự kiến phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ từ 21.611.185 cổ phiếu lên 28.814.780 cổ phiếu như được trình bày tại Thuyết minh 8.

**4.18.8. Cổ tức**

Nghị quyết ĐHCĐTN số 04/2022/NQ-ĐHCĐ ngày 19/03/2022 đã thông qua phương án chia cổ tức năm 2021 bằng tiền với tỷ lệ 3%/vốn điều lệ (tương đương: 6.483.235.500 VND).

Nghị quyết Hội đồng quản trị số 03/NQ-HĐQT ngày 30/01/2023 thông qua việc tạm ứng cổ tức bằng tiền mặt và ngày chốt danh sách cổ đông nhận cổ tức năm 2022, theo đó ngày chốt danh sách cổ đông nhận cổ tức: 15/02/2023, tỷ lệ chi trả: 3%/ cổ phiếu, ngày chi trả cổ tức: 01/03/2023.

**4.19. Các chỉ tiêu ngoài bảng Cân đối kế toán**

	<u>Tại ngày</u> <u>31/12/2022</u>	<u>Tại ngày</u> <u>01/01/2022</u>
Ngoại tệ các loại		
+ USD	425.824,50	116.348,80
+ EUR	147,03	147,03
+ JPY	100.284,00	101.736,00

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm 2022</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2021</u> <u>VND</u>
Doanh thu bán thành phẩm xuất khẩu	3.119.156.250.099	2.675.233.715.587
Doanh thu bán thành phẩm trong nước	26.974.702.018	10.206.659.199
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	136.727.276
<b>Cộng</b>	<b><u>3.146.130.952.117</u></b>	<b><u>2.685.577.102.062</u></b>

**5.2. Các khoản giảm trừ doanh thu**

	<u>Năm 2022</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2021</u> <u>VND</u>
Hàng bán bị trả lại	38.003.899.647	14.816.550.905
<b>Cộng</b>	<b><u>38.003.899.647</u></b>	<b><u>14.816.550.905</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ THƯƠNG MẠI THUẬN PHƯỚC**

Địa chỉ: KCN dịch vụ thủy sản Thọ Quang, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****5.3. Giá vốn hàng bán**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Giá vốn thành phẩm xuất khẩu	2.791.435.215.556	2.413.882.024.671
Giá vốn thành phẩm trong nước	27.205.937.617	10.438.045.715
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(462.492.002)	(3.185.523.891)
<b>Cộng</b>	<b>2.818.178.661.171</b>	<b>2.421.134.546.495</b>

**5.4. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lãi bán các khoản đầu tư	71.150.000	357.639.427
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	357.156.765	277.458.518
Lãi chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	59.329.242.493	29.593.865.914
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	-	648.930.035
<b>Cộng</b>	<b>59.757.549.258</b>	<b>30.877.893.894</b>

**5.5. Chi phí tài chính**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lãi tiền vay	39.813.123.507	34.746.762.541
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong thanh toán	51.922.347.202	12.048.007.600
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	3.104.283.658	-
Dự phòng các khoản đầu tư	456.558.436	30.120.000
<b>Cộng</b>	<b>95.296.312.803</b>	<b>46.824.890.141</b>

**5.6. Chi phí bán hàng**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí vận chuyển đường biển	155.259.307.951	125.925.307.864
Phí tư vấn kỹ thuật	7.850.146.635	15.427.803.061
Chi phí khác bằng tiền	30.815.006.300	29.978.645.892
<b>Cộng</b>	<b>193.924.460.886</b>	<b>171.331.756.817</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ THƯƠNG MẠI THUẬN PHƯỚC**

Địa chỉ: KCN dịch vụ thủy sản Thọ Quang, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****5.7. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>Năm 2022</b>	<b>Năm 2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nhân viên	15.726.210.119	14.381.404.413
Chi phí công cụ văn phòng	560.397.177	418.449.035
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.210.517.701	604.813.040
Thuế, phí và lệ phí	466.552.875	210.375.851
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.692.387.093	8.247.303.298
Chi phí khác bằng tiền	14.273.927.219	19.654.868.100
<b>Cộng</b>	<b>37.929.992.184</b>	<b>43.517.213.737</b>

**5.8. Thu nhập khác**

	<b>Năm 2022</b>	<b>Năm 2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thu tiền bồi thường	3.548.019.671	10.127.796.177
Các khoản khác	88.010.000	18.577.818
<b>Cộng</b>	<b>3.636.029.671</b>	<b>10.146.373.995</b>

**5.9. Chi phí khác**

	<b>Năm 2022</b>	<b>Năm 2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phạt vi phạm hành chính	81.022.388	8.961.674
Chi phí khấu hao ô tô có nguyên giá vượt 1,6 tỷ	-	12.673.590
Chi phí tổn thất hàng hóa	-	8.501.073.855
Phạt vi phạm hợp đồng	140.000.000	-
Chi phí khác	10.000.000	17.500.000
<b>Cộng</b>	<b>231.022.388</b>	<b>8.540.209.119</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ THƯƠNG MẠI THUẬN PHƯỚC**

Địa chỉ: KCN dịch vụ thủy sản Thọ Quang, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****5.10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	25.960.181.967	20.436.202.737
- Lợi nhuận từ hoạt động ưu đãi	22.324.152.296	18.790.902.597
- Lợi nhuận từ hoạt động không được ưu đãi	3.636.029.671	1.645.300.140
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	10.007.115.193	8.840.123.244
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	10.670.840.357	9.057.339.088
- Phạt hành chính	81.022.388	8.961.674
- Chi phí khấu hao ô tô nguyên giá trên 1,6 tỷ	-	12.673.590
- Chi phí khác không được trừ	202.000.000	61.000.000
- Lỗ CLTG đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối năm	3.687.076.015	663.725.164
- Chi phí lãi vay theo nghị định 132/2020/NĐ-CP	6.700.741.955	8.310.978.660
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	663.725.164	217.215.844
- Lỗ CLTG đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối năm trước	663.725.164	217.215.844
Tổng thu nhập tính thuế	35.967.297.160	29.276.325.981
- Thu nhập chịu thuế từ hoạt động ưu đãi	32.331.267.489	27.631.025.841
- Thu nhập chịu thuế từ hoạt động không được ưu đãi	3.636.029.671	1.645.300.140
Thuế suất thuế TNDN hiện hành		
- Thuế suất thuế TNDN từ hoạt động ưu đãi	15%	15%
- Thuế suất thuế TNDN từ hoạt động không được ưu	20%	20%
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế của năm hiện hành</b>	<b>5.576.896.058</b>	<b>4.473.713.904</b>

**5.11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.446.165.756.418	2.260.694.291.642
Chi phí nhân công	277.308.204.417	232.181.753.855
Chi phí khấu hao tài sản cố định	47.331.892.782	33.895.075.994
Chi phí dịch vụ mua ngoài	201.275.934.171	175.279.699.373
Chi phí khác bằng tiền	146.763.861.260	135.282.089.498
<b>Cộng</b>	<b>3.118.845.649.048</b>	<b>2.837.332.910.362</b>

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ****6.1 Số tiền đi vay thực thu trong năm**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	2.952.218.047.069	2.745.151.596.776
<b>Cộng</b>	<b>2.952.218.047.069</b>	<b>2.745.151.596.776</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ THƯƠNG MẠI THUẬN PHƯỚC**

Địa chỉ: KCN dịch vụ thủy sản Thọ Quang, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****6.2 Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Tiền chi trả gốc vay theo kế ước thông thường	3.018.140.169.970	2.520.586.868.804
<b>Cộng</b>	<b>3.018.140.169.970</b>	<b>2.520.586.868.804</b>

**7. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN**Danh sách các bên liên quanMối quan hệ

- Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Nhân sự quản lý chủ chốt

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Vay và nợ thuê tài chính Bà Nguyễn Thị Phi Anh	33.000.000.000	-
<b>Cộng - Xem thêm mục 4.17</b>	<b>33.000.000.000</b>	<b>-</b>

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Nhận tiền cho vay Bà Nguyễn Thị Phi Anh	33.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>33.000.000.000</b>	<b>-</b>

Thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức danh</u>	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Bà Nguyễn Thị Phi Anh	Thành viên HĐQT	96.000.000	96.000.000
Ông Trương Nguyên	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 19/03/2022)	24.000.000	96.000.000
Bà Dương Thị Tuyết Hằng	Thành viên HĐQT	96.000.000	96.000.000
Bà Lê Thị Minh Thảo	Thành viên HĐQT	96.000.000	96.000.000
Bà Lê Thanh Thảo	Thành viên HĐQT	96.000.000	96.000.000
Ông Nguyễn Đình Tuấn	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 19/03/2022)	24.000.000	96.000.000
Bà Võ Thị Hà	Trưởng BKS (Miễn nhiệm ngày 19/03/2022)	24.000.000	120.000.000
Ông Nguyễn Văn Trung	Trưởng BKS (Bổ nhiệm ngày 19/03/2022)	76.000.000	-
Bà Đặng Thị Hải	Thành viên BKS (Miễn nhiệm ngày 19/03/2022)	12.000.000	48.000.000
Ông Mai Đăng Hải	Thành viên BKS	56.500.000	48.000.000
Bà Huỳnh Thị Nguyệt	Thành viên BKS (Bổ nhiệm ngày 19/03/2022)	47.500.000	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ THƯƠNG MẠI THUẬN PHƯỚC**

Địa chỉ: KCN dịch vụ thủy sản Thọ Quang, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

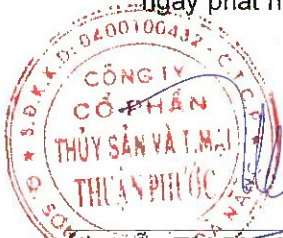
Tiền lương, thưởng và các khoản thu nhập khác của các thành viên Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các nhân viên quản chủ chốt khác:

Họ và tên	Chức danh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Ông Trần Văn Lĩnh	Chủ tịch HĐQT	456.658.000	453.144.000
Bà Nguyễn Thị Phi Anh	Thành viên HĐQT kiêm TGD	705.089.000	680.614.000
Bà Dương Thị Tuyết Hằng	Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD	313.243.000	320.742.000
Bà Lê Thị Minh Thảo	Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD	274.059.000	324.290.000
Bà Lê Thanh Thảo	Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD	311.421.000	309.231.000
Ông Nguyễn Đình Tuấn	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 19/03/2022)	400.238.000	378.722.000
Ông Phạm Đình Nguyên	Phó Tổng GD	541.147.000	599.456.000
Ông Nguyễn Văn Trung	Trưởng BKS (Bổ nhiệm ngày 19/03/2022)	171.495.000	-
Bà Đặng Thị Hải	Thành viên BKS (Miễn nhiệm ngày 19/03/2022)	157.053.000	141.272.000
Ông Mai Đăng Hải	Thành viên BKS	168.392.000	169.113.000
Bà Huỳnh Thị Nguyệt	Thành viên BKS (Bổ nhiệm ngày 19/03/2022)	161.968.000	-

**8. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số 04/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19/03/2022 đã thông qua chủ trương tăng vốn điều lệ của Công ty từ 216.111.850.000 VND lên 288.147.800.000 VND. Hình thức phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ là phát hành cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 3:1, tại ngày chốt danh sách cổ đông hưởng quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu cũ sẽ nhận được 01 quyền mua, 03 quyền mua sẽ được quyền mua 01 cổ phiếu phát hành thêm. Đến thời điểm phát hành báo cáo tài chính này, Công ty đang tiến hành các bước tiếp theo để đăng ký phát hành cổ phiếu với Ủy ban chứng khoán Nhà nước và các cơ quan quản lý Nhà nước để chuẩn bị quá trình phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ.

Ngoài sự kiện trên, không có sự kiện quan trọng nào khác xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.



Nguyễn Thị Phi Anh  
Tổng Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 13 tháng 03 năm 2023

Hà Thị Thu Thủy  
Kế toán trưởng

Lâm Thị Ngọc Quyên  
Người lập

